

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2026/HS-ST
Ngày 18 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Quân;

Ông Tống Văn Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 13/9/2004 tại An Giang; số CCCD: 089204007392; Nơi đăng ký thường trú: **Tổ A, ấp A, xã K, tỉnh An Giang**; Nơi ở: Nhà trọ **Nguyễn Thị L, tổ A, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1978 và bà **Trần Thị Bích T**, sinh năm 1979; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/8/2025, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Cơ sở 1 - **Trại Tạm giam B, Công an Thành phố H**; (Có mặt);

2. **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 16/3/1998 tại Đồng Tháp; số CCCD: 087098008404; Nơi đăng ký thường trú: **tổ B, ấp C, xã P, tỉnh Đồng Tháp**; Nơi ở: **khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1967 và bà **Hồ Thị C**, sinh năm 1966; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/8/2025, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Cơ sở 1 - **Trại Tạm giam B, Công an Thành phố H**; (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **Nguyễn Thị Tường V**, sinh năm 2002. Nơi cư trú: **Tổ G, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh**; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và **Nguyễn Văn T1** là bạn bè quen biết, có cùng sử dụng chung ma túy. Quá trình điều tra xác định **H** và **T1** đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần và 01 lần tàng trữ trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

Lần 1 (Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy): Ngày 28/7/2025, **T1** và **H** bàn bạc mua ma túy đá về sử dụng, cả 02 thống nhất mỗi người góp 100.000 đồng. Do không có tiền, **H** đem điện thoại đi cầm tại **tiệm Đ** được 800.000 đồng. Lúc này, **H** gặp thanh niên tên **Tuấn A** (không rõ lai lịch) và hỏi mua 200.000 đồng ma túy nhưng **Tuấn A** chê ít. **H** đặt mua 300.000 đồng và đưa trước 100.000 đồng. **H** lấy phần ma túy trị giá 200.000 đồng cất vào túi quần và được **T1** chở về phòng trọ của **T1** (tại **nhà T, phường T, TP.**). Tại đây, **T1** lấy nỏ thủy tinh, bình nhựa Sting chế làm dụng cụ, sau đó cả hai cùng sử dụng hết số ma túy trên.

Lần 2 (Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy): Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/8/2025, **T1** và **H** tiếp tục góp mỗi người 100.000 đồng. **H** sử dụng điện thoại gọi cho **Tuấn A** mua 200.000 đồng ma túy. **T1** chở **H** đến đoạn **đường Đ, khu phố T** để gặp **Tuấn A** giao dịch. Lấy được ma túy, **T1** chở **H** đi mua nước suối làm dụng cụ rồi đem về vườn cao su thuộc **khu phố C, phường B, TP.** để sử dụng. **T1** tự chế dụng cụ và cùng **H** sử dụng hết số ma túy vừa mua, sau đó vứt bỏ bộ dụng cụ.

Lần 3 (Tàng trữ trái phép chất ma túy): Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/8/2025, **H** nhắn tin rủ **T1** đi mua ma túy về cùng sử dụng. **H** dùng điện thoại liên lạc với **Tuấn A** đặt mua 400.000 đồng ma túy. **T1** điều khiển xe mô tô biển số 66FA-069.20 chở **H** đi lấy ma túy. Tại bãi đất trống thuộc **đường Đ, khu phố T**, **H** đưa 400.000 đồng cho **Tuấn A** và nhận lại ma túy cất vào người. **T1** chở **H**

đến đoạn đường ĐX01, **tổ I, khu phố T** dừng lại đi vệ sinh. Đến 00 giờ 30 phút ngày 04/8/2025, khi thấy lực lượng **Công an phường T** tuần tra, **H** ném 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng xuống đất nhằm phi tang nhưng bị phát hiện bắt quả tang.

Kết quả xét nghiệm nhanh nước tiểu của **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Văn T1** đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Đồng thời thu giữ vật chứng, đồ vật liên quan đến vụ án gồm:

- 02 gói nylon miệng hàn kín hai đầu chứa chất tinh thể màu trắng.
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO của **Nguyễn Văn H** (dùng để liên lạc mua ma túy).
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của **Nguyễn Văn T1**.
- 01 xe mô tô biển số 66FA-069.20. Quá trình điều tra xác định xe thuộc sở hữu của bà **Nguyễn Thị Tường V** (em của bị can **H**), bà **V** không biết việc các bị can sử dụng xe đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho bà **V**.

Tại Kết luận giám định số 2457/KL-KTHS ngày 08/8/2025 của **Phòng K Công an T** kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2476 gam.

Cáo trạng số 198/CT-VKS-KV17 ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn T1** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo **Nguyễn Văn T1** có ông nội là ông **Nguyễn Văn L1** được Nhà nước tặng Huân chương hạng nhì vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s

khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung từ 11 năm đến 12 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung từ 11 năm đến 12 năm 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

*Các bị cáo, **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn T1** không có ý kiến tranh luận với phần luận tội của Viện Kiểm sát và nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ rõ sự ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra - Công an, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn T1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy: Vào rạng sáng ngày 04/8/2025, tại khu vực **đường Đ, tổ I, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Văn T1** đã có hành vi cất giấu trái phép 0,2476 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích để cùng nhau sử dụng thì bị

bắt quả tang. Hành vi này đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Trước khi bị bắt, vào các ngày 28/7/2025 và 02/8/2025, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T1 đã 02 lần có hành vi cùng góp tiền mua ma túy, chuẩn bị địa điểm (phòng trọ của T1 và vườn cao su), tự chế tạo dụng cụ (nỏ, chai Sting) để cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi thực hiện từ 02 lần trở lên đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ nhận thức pháp luật nhưng vì ham muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân đã bất chấp luật pháp. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo Nguyễn Văn H gợi ý, rủ Nguyễn Văn T1 cùng bàn bạc, cùng chung ý chí, cùng góp tiền, cùng đi mua ma túy và tự chế tạo dụng cụ để cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, tính chất, mức độ và vai trò tham gia phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H là cao hơn bị cáo T1.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T1 có ông nội là ông Nguyễn Văn L1 được Nhà nước tặng Huân chương hạng nhì vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Ma túy đang là hiểm họa chung của nhân loại, tác hại của ma túy không thể lường hết. Hiện nay các tội phạm liên quan, phát sinh từ ma túy đang diễn ra hết sức phức tạp, diễn biến khó lường. Người phạm tội liên quan đến ma túy sau khi chấp hành hình phạt vẫn tiếp tục tái nghiện, rủ rê, lôi kéo, tổ chức cho nhiều người khác sử dụng ma túy, làm mất an ninh trật tự, làm gia tăng tội phạm, bạo lực, làm suy thoái nhân cách, phẩm giá con người, tàn phá cuộc sống yên vui của nhiều gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một

thời gian phù hợp nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội trong đó, bị cáo **H** có vai trò cao hơn nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo **T1**.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với lượng ma túy còn lại sau giám định và bao bì được gói bên trong 01 (một) phong bì niêm phong ghi vụ án số 190/PC09 (có chữ ký niêm phong của Giám định viên và hình dấu của **Phòng K - Công an T**) là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy;

[7.2] Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh, gắn sim số 0964.759.580 thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn H**: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là công cụ bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

[7.3] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu vàng, gắn sim số 0931.235.133 thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn T1**: Qua điều tra xác định không dùng vào việc phạm tội, đây là tài sản cá nhân hợp pháp của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T1**;

[7.4] Đối với chiếc xe mô tô biển số 66FA-069.20: Do bà **Nguyễn Thị Tường V** đứng tên chủ sở hữu, bà **V** không biết các bị cáo sử dụng đi phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho bà **V** là có căn cứ.

[7.5] Đối với 02 bản chính Căn cước công dân mang tên **Nguyễn Văn H** (**số H**) và **Nguyễn Văn T1** (**số H**). Đây là giấy tờ tùy thân cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại bản chính cho các bị cáo.

[8] Đối với đối tượng tên **Tuấn A** bán ma túy cho các bị cáo: Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[9] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Văn H** là phù hợp, mức hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Văn T1** là chưa phù hợp vì bị cáo **Nguyễn Văn T1** có vai trò thấp hơn, đồng thời có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[10] Các bị cáo bị kết án nên chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn T1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn H**. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (Bảy) năm 06 (**S**) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Văn H** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn T1**. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Văn T1** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (**M**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) phong bì niêm phong ghi vụ án số 190/PC09, bên trong có chứa lượng ma túy còn lại sau giám định và bao bì (Mẫu vật có chữ ký niêm phong của Giám định viên và hình dấu của **Phòng K - Công an T**).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh, gắn sim số 0964.759.580 thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn H**.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T1**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu vàng, gắn sim số 0931.235.133.

- Trả lại cho các bị cáo: Bản chính Căn cước công dân cho **Nguyễn Văn H (số H)** và **Nguyễn Văn T1 (số H)**.

(Các vật chứng được ghi nhận trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn T1**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- PV06, Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Lưu Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm